

Số: 652/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 15 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 10/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 về việc ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-YDHP ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-YDHP ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Phòng Quản lý Đào tạo đại học;

Xét đề nghị của Bà Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2024-2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm chịu trách nhiệm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định hiện hành.

Điều 3: Các Ông/bà: Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo đại học, Các Khoa, Bộ môn, Đơn vị trong toàn trường và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

DANH SÁCH ĐỘI NGŮ GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số: 652/QĐ-YDHP ngày 15 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

STT	Họ và tên	Lớp phụ trách
1.	Nguyễn Thị Tươi	Y khoa - K46
2.	Lê Tiến Thành (Nguyễn Quang Đức hỗ trợ)	Y khoa - K45
3.	Bùi Lê Tuấn	Y khoa - K44 BSLT.K40
4.	Đỗ Thị Duyên	Y khoa - K43 BSLT.K39
5.	Nguyễn Mạnh Hùng	Y khoa - K42 Lào K2
6.	Nguyễn Thị Quỳnh Nhung	Y khoa - K41 BSLT.K37 Lào K1
7.	Vũ Thị Hải Bình	BSLT.K38
8.	Vũ Thị Hường	Điều dưỡng chính quy: K17, K18, K19, K20 ĐD. LT VLVH K5
9.	Đào Trọng Phụng	Răng hàm mặt: K11, K12, K13, K14, K15, K16 Y học cổ truyền: K5, K6, K7, K8, K9, K10
10.	Nguyễn Thị Hạnh	Dược chính quy: K9, K10, K11, K12, K13 Dược LT K3, K4
11.	Nguyễn Quang Đức	Y học dự phòng: K13, K14, K15, K16, K17, K18
12.	Phạm Thị Hường	Xét nghiệm y học: K13, K14, K15, K16

15 HIỆU TRƯỞNG sl



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Dinh Thị Thanh Mai